

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 187/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 11 - 2023.

V/v: Kiện xin ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Trọng Ích.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Chạc

2. Bà Dương Thị Vui.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Công Trình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên toà: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H - sinh năm 1992;

Địa chỉ: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Chu Văn N - sinh năm 1983;

Địa chỉ: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt chị H, anh N (chị H và anh N đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại các buổi làm việc với Toà án của nguyên đơn chị Trần Thị H thể hiện: Chị và anh Chu Văn N kết hôn với nhau vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối ép buộc. Được UBND xã N cấp đăng ký kết hôn ngày 31 tháng 12 năm 2010. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách dẫn đến thường xuyên cãi nhau, gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chu Văn N. Về con chung chị xác định giữa chị và anh N có 03 con chung là cháu Chu Hoàng M, sinh ngày 20/4/2012; cháu Chu Thị Ngân H1, sinh ngày 09/10/2014 (hai cháu hiện đang ở với anh N) và cháu Chu Hoàng A, sinh ngày 29/01/2021 (cháu hiện đang do chị nuôi dưỡng). Vợ chồng ly hôn chị xin được nhân trực tiếp nuôi cháu Chu Hoàng A và nhất trí để anh N trực tiếp nuôi cháu Chu Hoàng M và cháu Chu Thị Ngân H1. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh N vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như bản tự khai của anh thể hiện: Anh thống nhất vợ chồng kết hôn với nhau vào năm 2010, vợ chồng kết hôn tự nguyện được UBND xã N cấp đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng tính cách, vợ chồng ly thân nhau từ năm 2022. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Chu Hoàng M, sinh ngày 20/4/2012; cháu Chu Thị Ngân H1, sinh ngày 09/10/2014 (hai cháu hiện đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng) và cháu Chu Hoàng A, sinh ngày 29/01/2021 (cháu hiện đang do chị H nuôi dưỡng). Vợ chồng ly hôn, anh nhất trí với đề nghị của chị H về giải quyết con chung cụ thể: Chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Hoàng A và anh xin nhận trực tiếp nuôi cháu Chu Hoàng M và cháu Chu Thị Ngân H1 và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập chứng cứ, tài liệu xây dựng hồ sơ cũng như diễn biến phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát có quan điểm như sau: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, xử công nhận thuận

tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Chu Văn N. Giao con chung là Chu Hoàng A, sinh ngày 29/01/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Chu Hoàng M, sinh ngày 20/4/2012 và cháu Chu Thị Ngân H1, sinh ngày 09/10/2014 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội đề nghị tuyên chị H nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị H và anh Chu Văn N đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại xã N huyện N, tỉnh Nam Định, việc chị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết vụ án của anh chị được Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Chị Trần Thị H và anh Chu Văn N tại phiên tòa hôm nay chị H và anh N đều vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) vì vậy Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xét xử vắng mặt chị H và anh N là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Chu Văn N được UBND xã N cấp đăng ký kết hôn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 là hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi chửi nhau, gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân nhau, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết vợ chồng được ly hôn. Anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị H và anh N đều thuận tình ly hôn. Thấy việc thuận tình ly hôn của anh N và chị H là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật vì vậy được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Chu Văn N đều thống nhất vợ chồng có 03 con chung là cháu Chu Hoàng M, sinh ngày 20/4/2012, cháu Chu Thị Ngân H1, sinh ngày 09/10/2014 (hiện hai cháu đang ở với anh N) và cháu Chu Hoàng A, sinh ngày 29/01/2021 (hiện đang ở với chị H). Vợ chồng ly hôn Chị H và anh N đều thống nhất thỏa thuận giải quyết con chung cụ thể: Giao cháu Chu Hoàng A, sinh ngày 29/01/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao hai cháu là Chu Hoàng M, sinh ngày 20/4/2012, cháu Chu Thị Ngân H1, sinh ngày 09/10/2014 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên kia. Xét việc thỏa thuận giải quyết con chung sau ly hôn của chị H và anh N thấy việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Bản thân cháu M và cháu H1 cũng có nguyện vọng xin được ở với bố nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị H và anh Chu Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra vấn đề xem giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp án phí dân dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[1] Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Chu Văn N.

[2] Về con chung: Giao con chung cháu Chu Hoàng A, sinh ngày 29/01/2021 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao hai con chung là cháu Chu Hoàng M, sinh ngày 20/4/2012, cháu Chu Thị Ngân H1, sinh ngày 09/10/2014 cho anh Chu Văn N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0001041 ngày

05/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nghĩa Hưng;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hưng;
- UBND xã N;
- Lưu án văn.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Trần Trọng Ích